



dì sì
第四

ordinal number · fourth

Example Sentences

tā shì bān shàng dì sì gāo de xué shēng
他是班上第四高的学生。

He is the fourth tallest student in the class.

Dì sì kè de nèi róng hěn nán
第四课的内容很难。

The content of Lesson Four is very difficult.

Trace each character, then write the word on your own.

第	第	第	第	第	第	第	第	第	第	第
第	第	第								

四	四	四	四	四	四	四	四			
